

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN C
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **01/2021/LĐ-ST**

Ngày: **27/10/2021**

V/v tranh chấp lao động "*Tiền lương*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Tùng- Phó Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ quận C, thành phố Cần Thơ.
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung- Phó Chủ tịch Liên đoàn lao động quận C, thành phố Cần Thơ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nhâm Thị Thanh Trang- Thư ký Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Cúc- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2021, Tòa án nhân dân quận C mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 11/2021/TLST-LĐ ngày 27/4/2021 về tranh chấp lao động "*Tiền lương và tiền ký quỹ*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/2021/QĐST- LĐ ngày 04/10/2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông **Đỗ Văn T**; sinh năm: 1977. Địa chỉ: 140B/15A đường C, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

*** Bị đơn:** Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dịch vụ Du lịch **Vận tải M**. Địa chỉ: D1-16 đường Số 46, Khu dân cư N, khu vực TT, phường N, quận C, thành phố Cần Thơ. Đại diện pháp luật: ông Trần Minh T- Giám đốc Công ty. Địa chỉ liên hệ: A4 Quốc Lộ 1A Khu Tái định cư Đ, Khu vực B, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/01/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Đỗ Văn T trình bày:

Ông vào làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dịch vụ Du lịch Vận tải M từ ngày 19/5/2020, đến ngày 16/6/2020 có ký hợp đồng lao

động, thời hạn 01 năm, công việc là tải xế tuyến Cần Thơ – Châu Đốc và ngược lại.

Ông bắt đầu làm từ ngày 19/5/2020 đến ngày 15/9/2020 thì nghỉ nhưng công ty chỉ thanh toán được tiền lương tháng 5, 6/2020, còn nợ lại lương tháng 7, 8, 9/2020; tổng cộng là **19.292.000đ**.

Về tiền ký quỹ thỏa thuận là **12.000.000đ**, ông đã đóng trước **3.000.000đ**, số tiền còn lại **9.000.000đ** trừ vào lương mỗi tháng **1.000.000đ** (nếu lương tháng trên **5.000.000đ**). Sau khi ông nghỉ việc, ngày 04/01/2021, công ty đã chuyển trả cho ông tiền ký quỹ **3.000.000đ**; còn nợ tiền ký quỹ công ty đã trừ lương tháng 6/2020 của ông **1.000.000đ**.

Do đó, tổng cộng công ty còn nợ ông là **20.292.000đ**. Ông yêu cầu công ty phải trả ngay cho ông số tiền còn nợ là **20.292.000đ**, không đồng ý cho công ty thời hạn chậm trả vì công ty trước đây đã cam kết nhưng không thực hiện.

Quá trình giải quyết vụ án, đại diện bị đơn trình bày:

Thừa nhận Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dịch vụ Du lịch Vận tải M có ký Hợp đồng lao động ngày 16/6/2020 và Hợp đồng dân sự với ông Đỗ Văn T với nội dung thỏa thuận về thời hạn làm việc, về công việc và tiền ký quỹ như nguyên đơn trình bày là đúng.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Công ty đã trả lương cho ông T tháng 5, 6/2020, còn nợ lại tháng 7 đến tháng 9/2020, số tiền lương tổng cộng là **19.292.000đ** và tiền ký quỹ đã trừ vào lương tháng 6/2020: **1.000.000đ**, tổng cộng: **20.292.000đ** là đúng và đồng ý trả số tiền này cho nguyên đơn. Tuy nhiên, do tình hình công ty khó khăn nên xin thời hạn 04 tháng nữa sẽ trả cho nguyên đơn số tiền **20.292.000đ**.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền **20.292.000đ**, cho bị đơn thời hạn đến ngày 30/11/2021 phải thanh toán đủ nếu bị đơn không đồng ý thì nguyên đơn không đồng ý cho bị đơn chậm trả, yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật; còn bị đơn đồng ý trả số tiền **20.292.000đ** nhưng xin thời hạn đến ngày 01/01/2022.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- **Về việc tuân theo pháp luật tố tụng** của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp quy định pháp luật.

- **Về việc giải quyết vụ án:**

+ Xét thấy: các bên có giao kết hợp đồng lao động ngày 16/6/2020, hợp đồng lao động có hiệu lực nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ lao động. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu thanh toán số tiền lương còn nợ **19.292.000đ** và bị đơn cũng thống nhất số tiền lương còn nợ tháng 7,

8, 9/2020 là **19.292.000đ** nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với số tiền **1.000.000đ** bị đơn đã trừ vào lương tháng 6/2020 của nguyên đơn để đảm bảo việc thực hiện hợp đồng thì đây là hành vi vi phạm pháp luật lao động, bị cấm đối với người sử dụng lao động theo quy định tại Điều 20 Bộ Luật Lao động năm 2012 nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải trả số tiền **1.000.000đ** lương tháng 6/2020 bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn. Tổng cộng, bị đơn phải thanh toán tiền lương còn nợ cho nguyên đơn là **20.292.000đ**.

Đối với yêu cầu trả chậm của bị đơn: do nguyên đơn không chấp nhận yêu cầu chậm trả của bị đơn; ngoài ra, điều kiện thi hành án của bị đơn sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án nên yêu cầu trả chậm của bị đơn là không có cơ sở.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền lương còn nợ **20.292.000đ**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét mối quan hệ pháp luật*: đây là vụ kiện tranh chấp lao động về "*Tiền lương*" giữa người lao động với người sử dụng lao động, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả tiền lương và tiền ký quỹ còn nợ* là **20.292.000đ**; *Hội đồng xét xử xét thấy*:

Ông Đỗ Văn T và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại Dịch vụ Du lịch Vận tải M có ký hợp đồng lao động số 11/HĐLD ngày 16/6/2020, thời hạn 01 năm từ ngày 16/6/2020 đến ngày 16/6/2021, công việc của ông T là nhân viên lái xe, thử việc 03 tháng, hưởng lương 100%, lương cơ bản 4.194.400đ/tháng, thanh toán 02 lần mỗi tháng trước ngày 10 và ngày 25 hàng tháng. Ông T bắt đầu làm việc ngày 19/5/2020, ngày 06/10/2020, ông Đỗ Văn T có đơn xin nghỉ việc, lý do: bận việc nhà. Sau khi nghỉ việc, giữa ông T và Công ty có đối chiếu và bị đơn cũng thống nhất Công ty còn nợ tiền lương tháng 7, 8, 9/2020 là **19.292.000đ** và số tiền lương **1.000.000đ** tháng 6/2020 của ông T Công ty giữ lại để đảm bảo cho việc thực hiện hợp đồng; tổng cộng Công ty còn nợ: **20.292.000đ** nên Hội đồng xét xử xác định đây là sự thật, không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do Công ty chưa thanh toán tiền lương tháng 7, 8, 9/2020 cho ông T nên yêu cầu của ông T là có cơ sở, cần buộc bị đơn phải thanh toán tiền lương còn nợ tháng 7, 8, 9/2020 cho ông T là **19.292.000đ**.

Đối với việc nguyên đơn và bị đơn ký hợp đồng dân sự; theo đó, nguyên đơn buộc bị đơn phải nộp tiền ký quỹ để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của nguyên đơn; Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại Điều 330 Bộ luật Dân sự thì việc ký

quỹ phải có bên thứ ba tham gia là tổ chức tín dụng để quản lý số tiền ký quỹ nhưng tiền ký quỹ nguyên đơn đã nộp cho bị đơn không có tổ chức tín dụng tham gia để quản lý số tiền này là không đúng quy định pháp luật dân sự. Tuy nhiên, số tiền ký quỹ **3.000.000đ** bị đơn đã trả lại cho nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không xem xét đối với Hợp đồng ký quỹ theo pháp luật dân sự.

Đối với số tiền **1.000.000đ** của tiền lương tháng 6/2020 bị đơn giữ lại, chưa thanh toán cho nguyên đơn để đảm bảo cho việc thực hiện hợp đồng lao động của nguyên đơn là trái với quy định tại Điều 20 Bộ Luật Lao động năm 2012. Do đó, cần buộc bị đơn phải thanh toán số tiền lương tháng 6/2020 còn thiếu **1.000.000đ** cho nguyên đơn là có cơ sở.

Do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền lương còn nợ **20.292.000đ** là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Đối với việc bị đơn cho rằng hiện tại tình hình công ty kinh doanh khó khăn nên xin thời hạn đến ngày 01/01/2022 sẽ thanh toán đủ; Hội đồng xét xử xét thấy: yêu cầu này không được phía nguyên đơn chấp nhận. Hơn nữa, điều kiện thi hành án của bị đơn sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án nên yêu cầu trả chậm của bị đơn là không có cơ sở, không được chấp nhận.

[4] Về án phí tranh chấp lao động sơ thẩm: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí: **20.292.000đ x 3% = 608.760đ**.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 32, khoản 2 Điều 92; Điều 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Điều 5, 6, 17, 18, 20, 90, 95, 96, 201 Bộ luật Lao động năm 2012 ;
- Điều 330, 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.
- Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại Dịch vụ Du lịch Vận tải M phải trả cho ông Đỗ Văn T tiền lương còn nợ, tổng cộng là **20.292.000đ** (Hai mươi triệu hai trăm chín mươi hai ngàn đồng).

Kể từ khi ông Đỗ Văn T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại Dịch vụ Du lịch Vận tải M phải chịu **608.760đ** (Sáu trăm lẻ tám ngàn bảy trăm sáu mươi đồng) tiền án phí về tranh chấp lao động.

3. **Về quyền kháng cáo:** Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tp. Cần Thơ.
- VKSND Q. C.
- Chi cục THA Q. C.
- Người TGTT.
- Lưu HS – BA.

Nguyễn Thị Thùy Trang